

Bản án số: 152/2018/DS-ST
Ngày 15-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 153/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CS Xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Duyên, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện Châu Phú, theo giấy ủy quyền ngày 31/10/2017 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Trung, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn Ngân hàng CS Xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C) đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Thu Duyên trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 6600000701413569 ngày 22/5/2014 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C với ông Trương Thanh T vay

vốn chương trình Hộ cận nghèo, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 0,78%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,014%/tháng. Định kỳ trả gốc bắt đầu từ ngày 08/6/2015 với số tiền 10.000.000 đồng/năm.

Đến ngày 08/6/2017, ông T không trả được nợ nên đã đề nghị và được Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ thêm 06 tháng đến ngày 08/12/2017. Trong thời gian được gia hạn, Ngân hàng nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển nợ của ông T sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/8/2018, ông Trường còn nợ vốn lãi tổng cộng 38.040.380 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 8.040.380 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trường phải trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/8/2018 là 8.040.380 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai đề ngày 06/3/2018 bị đơn ông Trương Thanh T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của Ngân hàng CS Xã hội huyện C số tiền 30.000.000 đồng, vay chương trình hộ cận nghèo. Nay Ngân hàng yêu cầu ông trả vốn lãi tổng cộng 35.535.800 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 5.535.800 đồng, lãi tạm tính đến ngày 08/12/2017). Ông đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền vốn 30.000.000 đồng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hồ sơ vay vốn hộ cận nghèo; Bảng kê tính lãi đến ngày 08/12/2017; Bảng kê tính lãi đến ngày 15/8/2018; Giấy ủy quyền ngày 18/01/2018; Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016; Tờ tự khai; Giấy đề nghị miễn án phí ngày 18/01/2018; Bản tự khai của ông T, đơn xin giải quyết vắng mặt của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – Hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Trương Thanh T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt) nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trương Thanh T có ký Hợp đồng tín dụng số: 6600000701413569 ngày 22/5/2014 với Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C để vay vốn chương trình hộ cận nghèo, với số tiền 30.000.000 đồng, định kỳ trả gốc bắt đầu từ ngày 08/6/2015 với số tiền 10.000.000 đồng/năm. Đến hạn trả nợ ông T không trả được nợ, ông T đề nghị Ngân hàng cho gia hạn nợ và được Ngân hàng cho gia hạn đến ngày 08/12/2017. Trong thời gian gia hạn Ngân hàng nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/8/2018, ông T còn nợ vốn lãi tổng cộng 38.040.380 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 8.040.380 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả số tiền trên.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số tiền vốn gốc kể từ ngày 16/8/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Xét Hợp đồng tín dụng số: 6600000701413569 ngày 22/5/2014, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn chương trình hộ cận nghèo giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C với ông T đã được ông T thừa nhận và ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn vay là có căn cứ phù hợp với Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu xin không trả lãi và xin trả vốn mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 30.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí:

Ngân hàng CS Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện Châu Phú cho vay chính sách nên được miễn án phí.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.900.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C đối với ông Trương Thanh T.

Công nhận Hợp đồng tín dụng số: 6600000701413569 ngày 22/5/2014 được ký kết giữa Ngân hàng CS Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C với ông Trương Thanh T.

Buộc ông Trương Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C số tiền vốn tính đến ngày 15/8/2018 là 30.000.000 đồng, lãi là 8.040.380 đồng, tổng cộng vốn lãi 38.040.380 đồng.

Ngoài ra, ông Trương Thanh T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền vốn gốc kể từ ngày 16/8/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí:

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CS Xã hội huyện C cho vay chính sách nên được miễn án phí.

Trương Thanh T phải chịu 1.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Noinhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS h. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Hùng Phạm Văn Trung

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giũ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi